

Bản án số: 158/2024/HS-ST
Ngày: 20 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Mạnh Hùng.

2. Bà Lê Thị Thanh Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 153/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST-HS ngày 06/12/2024, đối với bị cáo:

Trần Mạnh T - Tên gọi khác: không; sinh ngày 23 tháng 9 năm 1989, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ A, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Mạnh C và bà: Trần Thị H; có vợ: Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1997 và con: có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 27/8/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: tổ E, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Chị Tống Khánh L, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: tổ A, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: chị Trần Thị Hạnh N, sinh năm 1983. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 04/2022, Trần Mạnh T cho những người quen biết có nhu cầu vay tiền với lãi suất từ 119,7%/năm đến 171,3%/năm (gấp 6 lần đến 8,6 lần mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự). Khi vay, người vay viết giấy nợ hoặc đặt giấy tờ cá nhân để đảm bảo. Hình thức chuyển tiền vay, thu lãi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. T sử dụng tài khoản 0971384231 của Ngân hàng

TMCP Q (MB) của T để chuyển khoản tiền vay, thu lãi. T còn nhờ tài khoản số 104004930030 ngân hàng V của Trần Thị Hạnh N (chị N là chị gái của T) để nhận hộ tiền cho T. Trong thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 8/2024, T đã cho 02 người vay với tổng số tiền 45.000.000 đồng, cụ thể:

1. Chị Bùi Thị Y (sinh năm 1984, trú tại tổ E, khu D, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), ngày 25/4/2022 vay 10.000.000 đồng của T, lãi suất tương đương 150,8%/năm. Từ tháng 4/2022 đến tháng 12/2023, chị Y đã trả lãi cho T 25.200.000 đồng. Đến ngày 26/11/2022, chị Y tiếp tục vay 10.000.000 đồng của T, lãi suất tương đương 154,8%/năm. Từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2023, chị Y đã trả lãi cho T 16.800.000 đồng. Đến ngày 27/12/2023, T gộp hai khoản vay của chị Y là 20.000.000 đồng, với lãi suất tương đương 143%/năm. Từ tháng 01/2024 đến ngày 27/8/2024, lãi phải thanh toán là 19.200.000 đồng, chị Y đã trả lãi 17.800.000 đồng, còn tiền gốc và tiền lãi 1.400.000 đồng chưa trả cho T.

Tổng tiền lãi T đã thu của chị Y là 59.800.000 đồng, trong đó: tiền lãi T được phép thu theo quy định là 8.197.261 đồng; tiền lãi T thu lợi bất chính là 53.002.739 đồng.

2. Chị Tổng Khánh L (sinh năm 1988, trú tại tổ A, khu Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh), ngày 11/6/2022 vay của T 10.000.000 đồng, lãi suất tương đương 148,3%/năm. Đến ngày 11/10/2022, chị L đã trả hết tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng.

Tiếp đó, ngày 13/4/2023 chị L vay của T 15.000.000 đồng lãi suất tương đương 134,1%/năm. Từ tháng 4/2023 đến ngày 16/12/2023, chị L đã trả lãi cho T 13.500.000 đồng. Ngày 21/6/2023 chị L tiếp tục vay của T 10.000.000 đồng lãi suất tương đương 171,3%/năm. Từ tháng 6/2023 đến ngày 16/12/2023, chị L đã trả lãi là 8.400.000 đồng. Từ tháng 01/2024, T gộp hai khoản vay của chị L là 25.000.000 đồng, chốt ngày tính lãi từ ngày 17/12/2023 với lãi suất tháng 01/2024 tương đương 123,2%/năm, chị L đã trả lãi 2.700.000 đồng. Từ tháng 01/2024 đến ngày 17/5/2024, với lãi suất 119,7%/năm, lãi phải trả là 10.000.000 đồng, chị L đã trả 9.500.000 đồng. Chị L còn nợ gốc và 500.000 đồng lãi.

Tổng số tiền lãi T phải thu của chị L là 39.600.000 đồng, trong đó: tiền lãi T được phép thu theo quy định là 5.802.740 đồng; tiền lãi T thu lợi bất chính là 33.797.260 đồng.

Như vậy, tổng số tiền T thu lợi bất chính là 86.799.999 đồng.

Cơ quan điều tra thu giữ: 01 Quyết định bổ nhiệm và xếp lương và 01 Quyết định tuyển dụng hợp đồng của chị Bùi Thị Y; 04 giấy vay tiền của Bùi Thị Y; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Zfold do Trần Mạnh T giao nộp.

Quá trình điều tra, Trần Mạnh T khai nhận hành vi phạm tội như trên. T khai thêm: T sử dụng điện thoại S có sim số 0971384231 để liên lạc với những người vay tiền. Khi L vay và trả gốc 10.000.000 đồng và lãi 5.000.000 đồng, T giữ lại tiền gốc để cho L vay tiếp. Số tiền lãi, T chi tiêu cá nhân hết. Khoản vay của L, từ ngày 17/5/2024 T đã giảm lãi xuống cho L còn 70,6%/năm. Ngoài ra, T còn vay tiền của chị N với lãi suất 70,6%/năm để chi tiêu cá nhân.

Tại bản Cáo trạng số: 3125/CT-VKSCP ngày 25/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Trần Mạnh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của

Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo Trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Trần Mạnh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: bị cáo Trần Mạnh T từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: buộc bị cáo phải nộp lại số tiền lãi theo quy định pháp luật: 5.802.740 đồng + 8.197.261 đồng = 14.000.001 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; buộc chị Bùi Thị Y phải nộp lại tiền gốc đã vay của bị cáo nhưng chưa trả là 20.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; buộc chị Tống Khánh L phải nộp lại tiền gốc đã vay của bị cáo nhưng chưa trả là 25.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Y và chị Tống Khánh L tiền lãi thu lợi bất chính, cụ thể: chị Bùi Thị Y số tiền 51.602.739 đồng; chị Tống Khánh L số tiền 33.297.260 đồng.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Zfold màu đen thu giữ của bị cáo.

Bị cáo Trần Mạnh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Bùi Thị Y tại phiên tòa có lời khai thể hiện: thông qua mối quan hệ quen biết, ngày 25/4/2022 chị có vay của Trần Mạnh T số tiền gốc 10.000.000 đồng, với lãi suất 1.200.000 đồng/tháng; ngày 26/11/2022 chị vay tiếp của T số tiền gốc 10.000.000 đồng, với lãi suất 1.200.000 đồng/tháng. Tính đến ngày 27/8/2024, chị đã trả tiền lãi cho T với tổng số tiền 59.800.000 đồng, chị vẫn còn nợ tiền lãi 1.400.000 đồng và tiền gốc là 20.000.000 đồng chưa thanh toán cho T. Chị đề nghị T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho chị.

Chị Tống Khánh L trong quá trình điều tra có lời khai thể hiện: thông qua mối quan hệ quen biết, chị có vay tiền của Trần Mạnh T 03 lần, cụ thể: lần 01 vào ngày 11/6/2022 chị có vay số tiền gốc 10.000.000 đồng, với lãi suất 1.000.000 đồng/tháng; lần 2 vào ngày 13/4/2023 chị có vay số tiền gốc 15.000.000 đồng, với lãi suất 1.500.000 đồng/tháng; lần 3 vào ngày 21/6/2023, chị có vay số tiền gốc 10.000.000 đồng, với lãi suất 1.200.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lãi chị đã trả cho T là 39.100.000 đồng, chị vẫn còn nợ tiền lãi 500.000 đồng và tiền gốc là 25.000.000 đồng chưa thanh toán cho T. Chị đề nghị T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho chị.

Người làm chứng chị Trần Thị Hạnh N trong quá trình điều tra đều có lời khai thể hiện về thời gian, cách thức, số tiền cho vay, mức lãi suất phù hợp với

lời khai nhận của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo, qua tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Trần Mạnh T thừa nhận: từ tháng 04/2022 đến tháng 8/2024, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, Trần Mạnh T đã cho các chị Bùi Thị Y, Tống Khánh L vay lãi nặng, với tổng số tiền 45.000.000 đồng, với lãi suất từ 119,7%/năm đến 171,3%/năm, tổng số tiền lãi đã thu 98.900.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền 86.799.999 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Bị cáo đã thực hiện việc cho chị Bùi Thị Y, chị Tống Khánh L vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền 86.799.999 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 3125/CT-VKSCP ngày 25/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Điều 201 của Bộ luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với *lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất* quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người vay, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Biết và nhận thức được hành vi cho vay với lãi suất cao, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì thiếu ý thức chấp hành pháp luật, mong muốn thu lợi bất chính nên bị cáo bất chấp điều đó, thực hiện tội phạm nhằm kiếm lời, thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm trong cộng đồng.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã tự giác ra đầu thú, tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính và có ông nội là Trần H1 được tặng Huy chương chiến thắng hạng nhất nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo là người lao động, nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên có thể xem xét áp dụng Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về áp dụng hình phạt bổ sung: bị cáo đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Về số tiền gốc bị cáo sử dụng để cho vay là 45.000.000 đồng. Đây là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên cần phải tịch thu số tiền này nộp ngân sách Nhà nước. Chị Bùi Thị Y và chị Tống Khánh L chưa thanh toán trả tiền gốc này cho bị cáo. Do đó, buộc chị Y, chị L phải nộp lại số tiền này để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: chị Bùi Thị Y số tiền 20.000.000 đồng; chị Tống Khánh L số tiền 25.000.000 đồng.

Về số tiền lãi theo quy định 14.000.001 đồng (*làm tròn số là: 14.000.000 đồng*). Đây là tiền lãi do phạm tội mà có, nên cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi suất vượt quá mức quy định là 86.799.999 đồng, trong đó bị cáo thu của chị Y 53.002.739 đồng; thu của chị L 33.797.260 đồng. Đây là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của chị Y, chị L. Chị Y, chị L có quan điểm yêu cầu bị cáo phải trả lại, bị cáo cũng đồng ý. Nên buộc bị cáo T phải trả lại số tiền này, cụ thể: chị Bùi Thị Y (do chị Y chưa thanh toán cho T số tiền lãi 1.400.000 đồng), nên bị cáo phải trả cho chị Y số tiền 51.602.739 đồng; chị Tống Khánh L (do chị L chưa thanh toán cho T số tiền lãi 500.000 đồng), nên bị cáo phải trả cho chị L số tiền 33.297.260 đồng.

Bị cáo đã tự nguyện nộp lại tổng số tiền 86.799.999 đồng thu lợi bất chính, nên cần tuyên trả lại cho: chị Y số tiền: 51.602.739 đồng; chị L số tiền: 33.297.260 đồng. Số tiền còn thừa: 86.799.999 đồng - (51.602.739 đồng + 33.297.260 đồng) = 1.900.000 đồng, sẽ được trừ vào số tiền lãi theo quy định bị cáo buộc phải nộp lại sung ngân sách Nhà nước, cụ thể bị cáo phải nộp tiếp số tiền: 14.000.000 đồng - 1.900.000 đồng = 12.100.000 đồng (mười hai triệu một trăm nghìn đồng).

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: cơ quan điều tra thu giữ, gồm:

- 01 (một) Quyết định bổ nhiệm và xếp lương và 01 (một) Quyết định tuyển dụng hợp đồng đối với chị Bùi Thị Y. Đây là giấy tờ thuộc sở hữu hợp

pháp của chị Bùi Thị Y. Cơ quan điều tra đã trả lại giấy tờ trên cho chị Y là phù hợp nên không đề cập.

- 04 (bốn) Giấy vay tiền; 02 (hai) đĩa CD ghi âm khi tiến hành hoạt động điều tra. Đây là tài liệu, vật chứng lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Zfold màu đen thu giữ của bị cáo Trần Mạnh T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo sử dụng điện thoại làm phương tiện liên lạc vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án: đối với Trần Mạnh T cho chị L vay lãi tiếp từ ngày 17/5/2024 nhưng giảm lãi cho chị L còn 70,6%/năm. Trần Thị Hạnh N cho T vay tổng số tiền 45.000.000 đồng vào các ngày 09/4/2024 và ngày 14/4/2024, lãi suất 72%/năm. Ngoài ra, N còn biết việc T cho người khác vay tiền có lãi suất và nhận hộ tiền lãi qua tài khoản, rồi chuyển lại cho T nhưng không biết cụ thể số tiền vay, lãi suất vay. Nên hành vi, N và T chưa đến mức xử lý hình sự. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T và N theo quy định, là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Trần Mạnh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: bị cáo Trần Mạnh T số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Căn cứ vào: điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị Y số tiền 51.602.739đ (năm mươi một triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng); chị Tổng Khánh L số tiền 33.297.260đ (*ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

Buộc bị cáo Trần Mạnh T phải nộp lại số tiền lãi 14.000.000 đồng do phạm tội mà có, nhưng được trừ đi số tiền còn thừa là 1.900.000 đồng đã tự nguyện nộp. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 12.100.000đ (mười hai triệu một trăm nghìn đồng), để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 0001369 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Y phải nộp lại số tiền nợ gốc chưa trả 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tổng Khánh L phải nộp lại số tiền nợ gốc chưa trả 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*), để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố

tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Zfold, màu đen (thu giữ của Trần Mạnh T).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 31/BB- THA, ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

Buộc bị cáo Trần Mạnh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tống Khánh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- CQCSĐT và CQTHAHS Công an TP Cẩm Phả;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đạt